**BÀI TẬP CHƯƠNG 4: FUNCTION & CURSOR**



**Câu 1: Khi muốn tạo một Function tên F1 có một biến X kiểu ký tự ta thực hiện khai báo như sau:**

A. CREATE FUNC F1 (@X VARCHAR

B. CREATE FUNC F1 (@X VARCHAR(10))

C. CREATE FUNCTION F1 (@X VARCHAR(10))

D. CREATE FUNCTION F1 @X VARCHAR(10)

**Câu 2: Giá trị trả về của một hàm (Function) phải là:**

A. Một giá trị

B. Nhiều giá trị

C. Nhiều Table

D. Một Table hoặc một giá trị

**Câu 3: Khi muốn thực thi một hàm tên F1 có một biến X kiểu số nguyên ta thực hiện lệnh như sau:**

A. PRINT dbo.F1 @X=10

B. PRINT dbo.F1 10

C. PRINT dbo.F1(10)

D. PRINT dbo.F1 ‘10’

**Câu 4: Kết quả trả về của hàm DBO.TEST (6,2 ) sau là:**

CREATE FUNCTION TEST(@X INT,@Y INT) RETURNS INT

AS

BEGIN

DECLARE @T INT =0

IF (@Y%@X=0)

SET @T=@Y%@X

ELSE

SET @T=@Y+@X

RETURN @T

END

A. 0

B. 2

C. 8

D. Tất cả các câu trên đều sai

**Câu 5: Chọn câu phát biểu sai:**

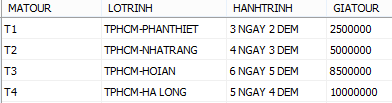
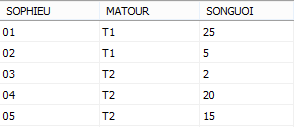
A. Procedure có thể gọi Procedure

B. Procedure có thể gọi Function

C. Function có thể gọi Function

D. Function có thể gọi Procedure

**Câu 6:**

**Cho hai Table TOUR VÀ TTDK (thông tin đăng ký) có quan hệ dữ liệu như hình sau:**

**Muốn tính tổng số lần đăng ký của các tour ta phải thực hiện lựa chọn nào:**

A. CREATE FUNCTION F2  
RETURNS TABLE AS (SELECT MATOUR, SOLAN=COUNT(SOPHIEU)

FROM TTDK GROUP BY MATOUR)

B. CREATE FUNCTION F2()  
RETURNS TABLE AS (SELECT MATOUR, SOLAN=SUM(SOPHIEU)

FROM TTDK GROUP BY MATOUR)

C. CREATE FUNCTION F2()  
RETURNS TABLE AS RETURN (SELECT MATOUR, SOLAN=COUNT(SOPHIEU)

FROM TTDK GROUP BY MATOUR)

D. REATE FUNCTION F2  
RETURNS TABLE AS RETURN (SELECT MATOUR, SOLAN=COUNT(SOPHIEU)

FROM TTDK GROUP BY MATOUR)

**Câu 7: Hàm nào sau đây không phải là hàm của người dùng (user – defined function)**

1. Hàm giá trị vô hướng (Scalar)
2. Hàm nội tuyến/giá trị bảng đơn giản (Inline Table-Valued)
3. Hàm bảo mật (security)
4. Hàm giá trị bảng nhiểu câu lệnh (Multi Statement Table-Valued)

**Câu 8: Xác định loại cho hàm của người dùng sau:**CREATE FUNCTION fn\_Pub (@CountryPar nvarchar(30))RETURNS tableASRETURN (SELECT pub\_Id, pub\_Name FROM pubs. dbo. Publishers

WHERE country = @CountryPar)

A. Hàm nội tuyến/giá trị bảng đơn giản (Inline table-valued)B. Hàm giá trị vô hướng (Scalar)  
C. Hàm hệ thống

D. Hàm giá trị bảng nhiểu câu lệnh (Multi-statement table-valued)

**Câu 9: Trong cú pháp khai báo con trỏ (Cursor), từ khóa Scroll có nghĩa là:**

A. Có thể duyệt cursor từ trên xuống

B. Có thể duyệt con trỏ từ dưới lên

C. Có thể duyệt lên xuống cursor tùy ý (duyệt theo đa chiều)

D. Tất cả các câu còn lại đều sai

**Câu 10: Cursor là:**

A. Một kiểu dữ liệu do người dùng định nghĩa

B. Là một bảng dữ liệu đặc biệt dùng để lưu trữ kết quả của lệnh SELECT

C. Là một kiểu dữ liệu đặc biệt, được dùng để lưu trữ kết quả của lệnh SELECT trong quá trình lập trình

D. Là một kiểu dữ liệu đặc biệt, được dùng để lưu trữ kết quả của lệnh SELECT và được lưu trữ như một bảng trong cơ sở dữ liệu.